

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117 /2022/HS-PT**

Ngày: 23/9/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Các thẩm phán:* Bà **Võ Thị Trâm**.

Ông **Nguyễn Văn Tuấn**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Chiến** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Phạm Bai** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 141/2022/TLPT-HS ngày 17/8/2022 đối với các bị cáo Nguyễn Đình D và Nguyễn Xuân H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án số 192/2022/HS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đình D - sinh năm 1981 tại Khánh Hòa; địa chỉ: phường P, thành phố N; quốc tịch: Việt A; dân tộc: Kinh; giới tính: A ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Nguyễn Đình P (chết) và bà Nguyễn Thị L (1956); tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 133/2002/HSST ngày 13/8/2002 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 12 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/10/2002, đã chấp hành các quyết định khác của bản án; Bản án số 47/2006/HSPT ngày 08/5/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, 12 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2008, đã chấp hành các quyết định khác của bản án. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Xuân H - sinh năm 1981 tại Khánh Hòa; địa chỉ: phường P, thành phố N; quốc tịch: Việt A; dân tộc: Kinh; giới tính: A; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Tự học ở nhà, biết đọc, biết viết; Cha: Không rõ; Mẹ: Nguyễn Thị U (chết); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/8/2020, Nguyễn Minh E cùng đối tượng tên Y (*không rõ nhân thân lai lịch*) đi đến trước công trình xây dựng tại số 17 đường C, phường P, thành phố N thì E phát hiện có 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ đen, biển kiểm soát 78G1-487.95 của anh Võ Kim T đang dựng trước công trình xây dựng, không có người trông giữ. E rủ Y lấy chiếc xe máy trên nhưng Y không đồng ý và bỏ đi. E đi đến dùng chân đạp gãy khóa cổ xe rồi dắt về cất giấu tại khu vực gần nhà trọ của E tại địa chỉ 87/30 đường C, phường P rồi đi về nhà trọ ngủ. Đến 14 giờ cùng ngày, anh T phát hiện bị mất trộm xe máy nên đến Công an phường P trình báo, đồng thời nhờ Nguyễn Xuân H là người bán cà phê trên vỉa hè đối diện chỗ anh T bị mất xe tìm giùm xe, H đồng ý. Sau đó H gọi điện thoại cho đối tượng A (*không rõ nhân thân lai lịch*) nhờ tìm giúp xe máy trên. Lúc này, A đang ngồi chơi tại nhà của Nguyễn Đình D nên nói thông tin này cho D biết. Do trước đó, khoảng 13 giờ cùng ngày, khi D và A đang ngồi nhậu tại vỉa hè gần công trình 17 đường C thì D nhìn thấy Nguyễn Minh E dắt 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ đi ngang qua nên D đoán E lấy trộm xe máy mà A báo. Vì vậy khi A đề xuất, D đồng ý và nói A báo lại cho H biết giá chuộc xe là 17.000.000đ nếu tìm được xe. Sau khi được A báo lại thì H đồng ý và nhắn lại cho anh T biết chuẩn bị tiền chuộc xe. Lúc này, D đi bộ đến nhà trọ của E thì gặp E đang ngồi gần nhà, D hỏi E có lấy trộm xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ không thì E thừa nhận có lấy trộm và chỉ cho D biết xe máy đang dựng cách đó khoảng 30m. D nói cho E biết sự việc H nhờ tìm xe và hỏi E cho chuộc lại bao nhiêu tiền thì E trả lời: “*chuộc với giá 13.000.000đ*”. D gọi điện thoại báo cho H tiền chuộc xe là 16.000.000đ. H vẫn báo cho anh T biết số tiền chuộc lại xe là 17.000.000đ. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, anh T đưa cho H số tiền 17.000.000đ để chuộc xe, H lấy 1.000.000đ rồi đưa cho D 16.000.000đ, D giữ lại 3.000.000đ và cầm số tiền 13.000.000đ đi đến nhà trọ đưa cho E và dắt xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ đen, biển kiểm soát 78G1 -487.95 đưa cho H đem về trả lại cho anh T.

Tại bản Kết luận định giá số 370/KL –HĐĐGTS ngày 14/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: **01 (một)** xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu trắng đỏ đen, biển kiểm soát 78G1 -487.95 có giá trị là **41.405.000đ (bốn mươi một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng)**.

Bản án số 192/2022/HS-ST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 01 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 06 tháng tù đều về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Vào các ngày 23 và 27/6/2022, lần lượt các bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Xuân H đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo. Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Minh E bị xử phạt về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tuy nhiên bị cáo E không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận định: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần phải xử nghiêm. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra, xét xử của cấp sơ thẩm có thiếu sót sau đây: Cơ quan điều tra không thông báo kết luận định giá tài sản theo quy định tại Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự; Bản án sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền mà các bị cáo phải bồi thường cho bị hại nhưng Biên bản nghị án không thể hiện nội dung này; Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Xuân H đều đã nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính nhưng bản án sơ thẩm không tịch thu sung công quỹ số tiền này chưa phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố N để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo các bị cáo còn trong hạn luật định nên hợp lệ để xem xét.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Xuân H đều khai nhận: Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo không được Cơ quan điều tra thông báo kết luận định giá tài sản đối với chiếc xe 78G1 - 487.95. Hồ sơ vụ án cũng không có tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc Cơ quan điều tra tiến hành thông báo kết luận định giá tài sản theo quy định tại Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bản án sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo D, H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải bồi thường cho bị hại, tuy nhiên Biên bản nghị án không thể hiện nội dung này.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Đình D, Nguyễn Xuân H đều đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính (*cụ thể, D nộp 3.000.000đ, H nộp 1.000.000đ*). Vậy, các bị cáo D và H đã hoàn tất việc nộp lại các khoản tiền thu lợi bất chính trước khi Tòa án đưa vụ án ra giải quyết. Do đó, việc tuyên các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp này là chưa phù hợp. Mặt khác, bản án sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Minh E, Nguyễn Đình D, Nguyễn Xuân H phải bồi thường cho bị hại nhưng lại không tuyên quy định chung về nghĩa vụ thi hành án và lãi chậm thi hành án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy những sai sót của cấp sơ thẩm không thể khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm được, do vậy cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để điều tra lại theo thủ tục chung.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo; các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án sẽ được giải quyết lại theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 192/2022/HSST ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để điều tra lại theo thủ tục chung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ giám đốc 1;
- TAND TP. thành phố N;
- VKSND TP. thành phố N;
- Công an TP. thành phố N;
- Chi cục THADS TP. thành phố N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Long